

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HS-ST
Ngày: 28-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh
2. Ông Huỳnh Dư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2023/HSST, ngày 29 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn M (Tên gọi khác: Minh Nhí, Út Em, Trần Văn Dũng, Nguyễn Văn Thành), sinh năm 1975 tại Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Cha: Lê Văn L (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị C (đã chết); Vợ, con: Không có.

Tiền án:

- Ngày 03/01/1994 bị Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 20/5/1997 bỏ trốn khỏi trại giam A2 (lấy tên là Lê Văn Minh).

- Ngày 21/01/1998 bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/3/1998 (lấy tên là Nguyễn Văn Thành).

- Ngày 23/10/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản của người nước ngoài”, 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”, tổng hợp chung cho cả 03 tội là 11 năm. Tổng hợp với hình phạt chưa chấp hành xong của Bản án hình sự

phúc thẩm số 610 ngày 03/01/1994 của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng là 08 tháng 18 ngày. Tổng hợp 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho 02 bản án là 11 năm 08 tháng 18 ngày. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2009.

- Ngày 23/8/2011 bị Toà án nhân dân thị xã Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/10/2017.

- Ngày 18/6/2018 bị Toà án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/12/2022.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/01/1994 bị Toà án phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

Bị cáo Lê Văn M bị tạm giam từ ngày 03/3/2023.

2. Lê Quốc D (Tên gọi khác: Nhậu), sinh năm 1992 tại Cam Ranh.

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường B, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Không có; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Cha: Lê Văn L; Mẹ: Đàm Thị T; Vợ, con: Không có.

Tiền án:

- Ngày 10/12/2009, bị Toà án nhân dân thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/3/2011.

- Ngày 17/11/2020 bị Toà án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/8/2022.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 02/01/2006, bị Công an phường Ba Ngòi, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 31/3/2006, bị Chủ tịch UBND phường Ba Ngòi, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thời hạn 06 tháng.

- Ngày 13/3/2013, bị Toà án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 05 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ngày 04/5/2020 bị Ủy ban nhân dân phường Ba Ngòi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng từ ngày 29/4/2020.

- Ngày 21/3/2020, Công an xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Lê Quốc D bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Bị tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến nay.

3. Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992 tại Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Tổ dân phố S, phường B, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa;
Nghề nghiệp: Phụ xe; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Cha: Nguyễn N; Mẹ: Nguyễn Thị K; Vợ, con: Không có.

Tiền án: Ngày 13/8/2020 bị Toà án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2022.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/3/2023 bị Công an thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo Nguyễn Quốc T bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023. Bị tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến nay.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T - Sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Lê Thị Hồng H - Sinh năm: 1965; Nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Huỳnh Thái P.

2. Ông Trịnh Văn Minh T.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Văn X.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 10 phút ngày 08/01/2023, Lê Quốc D điều khiển xe mô tô 79Z1-589.93 chở Nguyễn Quốc T đi trên Đại lộ Hùng Vương phường Cam Nghĩa. Khi đến khu vực gần ngã ba Đại lộ Hùng Vương – Nguyễn Chí Thanh, T thấy chị Nguyễn Thị Thanh T ngồi trên xe mô tô dựng trên vỉa hè đang bấm điện thoại Apple Iphone 12 Pro. T nói D cướp giật điện thoại và D đồng ý. D dừng xe mô tô, T xuống xe đi bộ đến vị trí của chị T giật lấy điện thoại di động Apple Iphone 12 Pro rồi T nhảy lên xe, D tăng ga chở T bỏ chạy về nhà D ở tổ dân phố Sơn Long, phường Ba Ngòi, thành phố Cam Ranh. Sau đó, D chở T đến thành phố Nha Trang bán điện thoại đã chiếm đoạt được cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng. T và D chia nhau mỗi người 1.250.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 13/01/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 12 Pro trị giá 16.150.000 đồng.

Tiếp đến, vào tối ngày 07/02/2023, Lê Quốc D rủ Lê Văn M (M là đối tượng cướp giật chuyên nghiệp, không có nghề nghiệp, lấy việc cướp giật tài sản làm nguồn sống chính, từ năm 2010 đến năm 2023 thực hiện 13 vụ cướp giật tài sản) đi cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài và M đồng ý. D điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius không gắn biển số (do M mượn của anh Trịnh Văn Minh T) chở M đi trên các tuyến đường thành phố Cam Ranh để cướp giật tài sản.

Khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, D, M thấy chị Lê Thị Hồng H đang điều khiển xe mô tô 79C1-568.51 đi trên đường Đại lộ Hùng Vương hướng Cam Ranh – Ninh Thuận, có đeo một sợi dây chuyền vàng trên cổ. D điều khiển xe mô tô đi theo sau. Khi chị H rẽ vào đường Nguyễn Trọng Kỳ ở tổ dân phố Lợi Thủy, phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh thì D điều khiển xe áp sát bên trái xe chị H. M dùng tay giật lấy sợi dây chuyền trên cổ chị H nên dây chuyền bị đứt hai đoạn. D điều khiển xe tăng tốc chở M cầm đoạn dây chuyền đã chiếm đoạt được chạy thoát. Chị H mang đoạn dây chuyền vàng còn lại và mặt dây chuyền đến Công an phường Cam Lợi trình báo.

Sau đó, M điều khiển xe mô tô đến khu vực lầu 7, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang bán đoạn dây chuyền cướp giật được cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 1.200.000 đồng. M chia cho D 600.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Tại kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: 01 đoạn dây chuyền 18k có trọng lượng 2,1 chỉ trị giá 7.115.936 đồng; 01 dây mặt dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 1,478 chỉ trị giá 1.619.723 đồng. Tổng trị giá 8.735.659 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 10/5/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Cam Ranh kết luận: 01 đoạn dây chuyền vàng 18K, dạng dây lá, trọng lượng 1,292 chỉ trị giá 4.377.995 đồng.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 428/23/KLTTCT-PYKH ngày 12/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Thị Hồng H là 0%.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn M. Xử phạt bị cáo Lê Văn M từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Quốc D. Xử phạt bị cáo Lê Quốc D từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn

Quốc T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội khắc phục sai lầm, tiếp tục làm công dân có ích cho xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị như đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại Lê Thị Hồng H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung:

Tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn M, Lê Quốc D và Nguyễn Quốc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; phù hợp với kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đồng thời, qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Tại địa bàn thành phố Cam Ranh, các bị cáo Lê Văn M, Lê Quốc D và Nguyễn Quốc T đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản, cụ thể:

Khoảng 13 giờ ngày 08/01/2023, tại Đại lộ Hùng Vương ở tổ dân phố Hoà Phước, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh; Nguyễn Quốc T có hành vi cướp giật lấy 01 chiếc điện thoại hiệu Apple Iphone 12 Pro của chị Nguyễn Thị Thanh T rồi nhảy lên xe mô tô 79Z1-589.93 do Lê Quốc D điều khiển nhanh chóng tẩu thoát. Trị giá điện thoại Apple Iphone 12 Pro là 16.150.000 đồng.

Khoảng 20 giờ ngày 07/02/2023, tại khu vực đường Nguyễn Trọng Kỳ thuộc tổ dân phố Lợi Thủy, phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh; Lê Quốc D điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen (không có biển số) chở Lê Văn M có hành vi cướp giật dây chuyền vàng gắn 01 mặt dây chuyền vàng của chị Lê Thị Hồng H, tổng trị giá 8.735.659 đồng.

Trị giá tài sản Lê Quốc D chiếm đoạt: 24.885.659 đồng; trị giá tài sản Lê Văn Minh chiếm đoạt: 8.735.659 đồng; trị giá tài sản Nguyễn Quốc T chiếm đoạt: 16.150.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Lê Văn M đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm b (Có tính chất chuyên nghiệp), d (Dùng thủ đoạn nguy hiểm), i (Tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Lê Quốc D đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d (Dùng thủ đoạn nguy hiểm), i (Tái phạm nguy hiểm) khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người trưởng thành, trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, lẽ ra bị cáo phải tìm kiếm một công việc hợp pháp phù hợp với khả năng để nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình nhưng bị cáo lại đi cướp tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án có đồng phạm: Bị cáo Lê Văn M là người thực hiện hành vi tích cực và phạm tội với ba tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự nên chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo Lê Quốc D là người thực hành tích cực, tham gia vào cả hai lần phạm tội và phạm tội với hai tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự nên chịu trách nhiệm hình sự cao gần bằng bị cáo Minh. Bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự nên chịu trách nhiệm tương ứng với khung hình phạt, thấp hơn bị cáo M và D.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Quốc D bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Quốc T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Lê Quốc D, Lê Văn M còn được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì các lý do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về nhân thân: Các bị cáo, đặc biệt là bị cáo Lê Văn M và Lê Quốc D có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy sự xem thường pháp luật cũng như ý thức cải tạo kém của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị Thanh Tâm yêu cầu bị cáo Lê Quốc D và bị cáo Nguyễn Quốc T liên đới bồi thường số tiền 16.150.000 đồng (theo phần: Mỗi bị cáo bồi thường 8.075.000 đồng). Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc D và bị cáo Nguyễn Quốc T đồng ý liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 16.150.000 đồng (theo phần: Mỗi bị cáo bồi thường 8.075.000 đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị hại bà Lê Thị Hồng H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu có yêu cầu sẽ xét xử sau theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo Lê Văn M, Lê Quốc D, Nguyễn Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Lê Quốc D và bị cáo Nguyễn Quốc T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điểm b, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn M;

- Điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Quốc D;

- Khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc T;

- Các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

1.1. Bị cáo Lê Văn M 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2023.

1.2. Bị cáo Lê Quốc D 05 (năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2023 (Được trừ đi thời giam bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023).

1.3. Bị cáo Nguyễn Quốc T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/3/2023 (Được trừ đi thời giam bị tạm giữ từ ngày 11/01/2023 đến ngày 17/01/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lê Quốc D và bị cáo Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 16.150.000 đồng (Mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Cụ thể theo phần:

+ Bị cáo Lê Quốc D bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 8.075.000 đồng (Tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Quốc T bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 8.075.000 đồng (Tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Về án phí:

- Bị cáo Lê Văn M chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Quốc D chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 403.000 (Bốn trăm không ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Quốc T chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 403.000 (Bốn trăm không ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Nguyễn Thị Thanh T, bị hại bà Lê Thị Hồng H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

** Quy định chung:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Cam Ranh;
- Công an Tp. Cam Ranh (02 bản);
- Chi cục THADS Tp. Cam Ranh;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng